

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
17	9-BT21-24	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	320,92	294,74	AL-DL-15x20M	139,26	43,39	3	0,92	
18	9-BT21-25	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,19	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	54,38	3	1,21	
19	9-BT21-26	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,19	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	54,38	3	1,21	
20	9-BT21-27	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,19	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	56,57	3	1,14	
21	9-BT21-43	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	205,17	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	52,44	3	1,06	
22	9-BT21-45A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	205,17	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	52,44	3	1,06	
23	9-BT21-45	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	205,17	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	50,41	3	1,12	
24	9-BT21-46	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	205,17	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	50,41	3	1,12	
25	9-BT21-48A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	205,17	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	52,44	3	1,06	
26	9-BT21-48	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	205,17	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	52,44	3	1,06	
27	9-BT21-50A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	403,86	323,76	AL-DL-18x20	179,53	44,45	3	0,80	
I. DỰ ÁN THÀNH PHẦN 6-1										
	132		24.873,10	36.466,03		13.074,18				
1. Khu 6-1-LK01	24		2.786,86	5.821,73		2.108,38				
1	6-LK01-09	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	120,07	243,58	PK6-SH-6.5X17-DH	87,81	73,13	3	2,03	
2	6-LK01-10	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	119,30	240,34	PK6-SH-6.5X17-DH1M	87,81	73,60	3	2,01	
3	6-LK01-11	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	136,69	243,95	PK6-SH-7.5x17-G1M	87,95	64,34	3	1,78	
4	6-LK01-12	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	135,12	246,77	PK6-SH-7.5x17-G	87,95	65,09	3	1,83	
5	6-LK01-12A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	116,27	243,58	PK6-SH-6.5X17-DH	87,81	75,52	3	2,09	
6	6-LK01-15A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	115,50	240,34	PK6-SH-6.5X17-DH1M	87,81	76,03	3	2,08	
7	6-LK01-15	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	114,73	240,34	PK6-SH-6.5X17-DH1	87,81	76,54	3	2,09	
8	6-LK01-16	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	113,96	243,58	PK6-SH-6.5X17-DHM	87,81	77,05	3	2,14	
9	6-LK01-18A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	113,19	243,58	PK6-SH-6.5X17-DH	87,81	77,58	3	2,15	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
10	6-LK01-18	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	112,42	240,34	PK6-SH-6.5X17-DH1M	87,81	78,11	3	2,14	
11	6-LK01-19	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	128,76	243,95	PK6-SH-7.5x17-G1M	87,95	68,31	3	1,89	
12	6-LK01-21	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	110,91	243,58	PK6-SH-6.5X17-DH	87,81	79,17	3	2,20	
13	6-LK01-22	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	110,79	240,34	PK6-SH-6.5X17-DH1M	87,81	79,26	3	2,17	
14	6-LK01-25	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	110,41	243,58	PK6-SH-6.5X17-DH	87,81	79,53	3	2,21	
15	6-LK01-26	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	110,29	240,34	PK6-SH-6.5X17-DH1M	87,81	79,62	3	2,18	
16	6-LK01-27	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	127,10	243,95	PK6-SH-7.5x17-G1M	87,95	69,20	3	1,92	
17	6-LK01-28	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	126,85	246,95	PK6-SH-7.5x17-G	88,01	69,38	3	1,95	
18	6-LK01-29	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	109,80	240,52	PK6-SH-6.5X17-DH1	87,87	80,03	3	2,19	
19	6-LK01-30	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	109,68	243,76	PK6-SH-6.5X17-DH	87,87	80,11	3	2,22	
20	6-LK01-31	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	109,55	240,52	PK6-SH-6.5X17-DH1	87,87	80,21	3	2,20	
21	6-LK01-34	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	109,05	240,34	PK6-SH-6.5X17-DH1	87,81	80,52	3	2,20	
22	6-LK01-35	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	108,93	243,58	PK6-SH-6.5X17-DHM	87,81	80,61	3	2,24	
23	6-LK01-36	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	108,81	243,58	PK6-SH-6.5X17-DH	87,81	80,70	3	2,24	
24	6-LK01-37	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	108,68	240,34	PK6-SH-6.5X17-DH1M	87,81	80,80	3	2,21	
2. Khu 6-1-LK03	5		500,00	875,84		332,80				
1	6-LK03-20	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	100,00	174,20	PK6-LK-5X20-DH1M	66,56	66,56	3	1,74	
2	6-LK03-21	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	100,00	176,62	PK6-LK-5X20-DH	66,56	66,56	3	1,77	
3	6-LK03-22	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	100,00	176,62	PK6-LK-5X20-DHM	66,56	66,56	3	1,77	
4	6-LK03-23	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	100,00	174,20	PK6-LK-5X20-DH1	66,56	66,56	3	1,74	
5	6-LK03-24	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	100,00	174,20	PK6-LK-5X20-DH1M	66,56	66,56	3	1,74	
3. Khu 6-1-LK06	3		369,00	729,44		263,55				
1	6-LK06-10	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	117,00	245,36	PK6-LK-6.5X18-DHM	87,80	75,04	3	2,10	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
2	6-LK06-11	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	117,00	242,16	PK6-LK-6.5X18-DH1	87,80	75,04	3	2,07	
3	6-LK06-12	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	135,00	241,92	PK6-LK-6.5X18-G1	87,95	65,15	3	1,79	
4. Khu 6-1-LK07	5		639,00	1.220,94		439,62				
1	6-LK07-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	144,00	245,36	PK6-LK-6.5X18-GM	88,02	61,13	3	1,70	
2	6-LK07-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	117,00	242,34	PK6-LK-6.5X18-DH1	87,86	75,09	3	2,07	
3	6-LK07-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	117,00	245,54	PK6-LK-6.5X18-DH	87,86	75,09	3	2,10	
4	6-LK07-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	117,00	242,34	PK6-LK-6.5X18-DH1	87,86	75,09	3	2,07	
5	6-LK07-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	144,00	245,36	PK6-LK-6.5X18-G	88,02	61,13	3	1,70	
5. Khu 6-1-BT06	2		342,00	538,62		187,04				
1	6-BT06-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	54,69	3	1,57	
2	6-BT06-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	54,69	3	1,57	
6. Khu 6-1-BT07	1		352,43	414,80		155,08				
1	6-BT07-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	352,43	414,80	PK6-DLS-G3M	155,08	44,00	3	1,18	
7. Khu 6-1-BT08	17		3.762,50	4.898,58		1.724,28				
1	6-BT08-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	194,62	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	48,05	3	1,38	
2	6-BT08-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	194,62	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	48,05	3	1,38	
3	6-BT08-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	194,62	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	48,05	3	1,38	
4	6-BT08-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	194,62	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	48,05	3	1,38	
5	6-BT08-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	194,62	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	48,05	3	1,38	
6	6-BT08-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	194,62	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	48,05	3	1,38	
7	6-BT08-08	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	314,87	399,64	PK6-DLS-G1M	150,47	47,79	3	1,27	
8	6-BT08-09	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	318,15	399,64	PK6-DLS-G1	150,47	47,30	3	1,26	
9	6-BT08-10	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	194,47	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	48,09	3	1,38	
10	6-BT08-11	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	194,49	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	48,08	3	1,38	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
11	6-BT08-12	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	194,51	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	48,08	3	1,38	
12	6-BT08-12A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	194,54	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	48,07	3	1,38	
13	6-BT08-15A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	194,56	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	48,07	3	1,38	
14	6-BT08-15	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	194,58	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	48,06	3	1,38	
15	6-BT08-18A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	275,56	294,77	PK6-DLS-GM	102,11	37,06	3	1,07	
16	6-BT08-18	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	240,00	278,04	PK6-DLS-G2	96,88	40,37	3	1,16	
17	6-BT08-19	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	279,05	294,77	PK6-DLS-G	102,11	36,59	3	1,06	
8. Khu 6-1-BT09	17		3.465,99	4.894,50		1.725,95				
1	6-BT09-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	189,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	49,48	3	1,42	
2	6-BT09-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	54,69	3	1,57	
3	6-BT09-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	54,69	3	1,57	
4	6-BT09-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	54,69	3	1,57	
5	6-BT09-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	212,00	278,04	PK6-DLS-G2	96,88	45,70	3	1,31	
6	6-BT09-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	389,09	405,86	PK6-DLS-G4	156,12	40,12	3	1,04	
7	6-BT09-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	54,69	3	1,57	
8	6-BT09-08	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	54,69	3	1,57	
9	6-BT09-09	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	54,69	3	1,57	
10	6-BT09-10	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	54,69	3	1,57	
11	6-BT09-11	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	54,69	3	1,57	
12	6-BT09-12	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	54,69	3	1,57	
13	6-BT09-18A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	321,03	414,80	PK6-DLS-G3	155,08	48,31	3	1,29	
14	6-BT09-22	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	49,22	3	1,42	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
15	6-BT09-23	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	49,22	3	1,42	
16	6-BT09-24	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	49,22	3	1,42	
17	6-BT09-25	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	245,87	294,77	PK6-DLS-G	102,11	41,53	3	1,20	
9. Khu 6-1-BT10	3		684,00	920,14		338,59				
1	6-BT10-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	288,00	366,52	PK6-DLS-G7M	136,25	47,31	3	1,27	
2	6-BT10-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	198,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20M	101,17	51,10	3	1,40	
3	6-BT10-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	198,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20	101,17	51,10	3	1,40	
10. Khu 6-1-BT11	10		2.328,12	3.074,58		1.138,10				
1	6-BT11-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	424,03	445,30	PK6-DLS-G5	173,66	40,95	3	1,05	
2	6-BT11-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20M	101,17	53,25	3	1,46	
3	6-BT11-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20	101,17	53,25	3	1,46	
4	6-BT11-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20M	101,17	53,25	3	1,46	
5	6-BT11-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20	101,17	53,25	3	1,46	
6	6-BT11-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20M	101,17	53,25	3	1,46	
7	6-BT11-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20	101,17	53,25	3	1,46	
8	6-BT11-08	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20M	101,17	53,25	3	1,46	
9	6-BT11-11	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20	101,17	53,25	3	1,46	
10	6-BT11-12	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	384,09	414,80	PK6-DLS-G3M	155,08	40,38	3	1,08	
11. Khu 6-1-BT12	3		720,00	994,42		355,19				
1	6-BT12-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	261,00	366,52	PK6-DLS-G7	136,25	52,20	3	1,40	
2	6-BT12-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	216,00	313,95	PK6-DLS-G6	109,47	50,68	3	1,45	
3	6-BT12-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	243,00	313,95	PK6-DLS-G6M	109,47	45,05	3	1,29	
12. Khu 6-1-BT13	12		8.923,20	12.082,44		4.305,60				
1	6-BT13-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	420,00	445,30	PK6-DLS-G5M	173,66	41,35	3	1,06	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
2	6-BT13-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20	101,17	53,25	3	1,46	
3	6-BT13-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20M	101,17	53,25	3	1,46	
4	6-BT13-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20	101,17	53,25	3	1,46	
5	6-BT13-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20M	101,17	53,25	3	1,46	
6	6-BT13-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20	101,17	53,25	3	1,46	
7	6-BT13-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20M	101,17	53,25	3	1,46	
8	6-BT13-08	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20	101,17	53,25	3	1,46	
9	6-BT13-09	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20M	101,17	53,25	3	1,46	
10	6-BT13-10	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20	101,17	53,25	3	1,46	
11	6-BT13-11	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20M	101,17	53,25	3	1,46	
12	6-BT13-12	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	406,07	414,80	PK6-DLS-G3	155,08	38,19	3	1,02	
13. Khu 6-1-BT14	14		6.197,13	8.454,24		2.965,16				
1	6-BT14-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	345,30	405,86	PK6-DLS-G4M	156,12	45,21	3	1,18	
2	6-BT14-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	54,69	3	1,57	
3	6-BT14-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	54,69	3	1,57	
4	6-BT14-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	54,69	3	1,57	
5	6-BT14-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	54,69	3	1,57	
6	6-BT14-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	54,69	3	1,57	
7	6-BT14-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	54,69	3	1,57	
8	6-BT14-08	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	54,69	3	1,57	
9	6-BT14-09	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	54,69	3	1,57	
10	6-BT14-10	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	290,87	405,86	PK6-DLS-G4	156,12	53,67	3	1,40	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
11	6-BT14-11	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	211,44	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	44,23	3	1,27	
12	6-BT14-12	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	54,69	3	1,57	
13	6-BT14-12A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	54,69	3	1,57	
14	6-BT14-15A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	203,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	46,07	3	1,33	
14. Khu 6-1-BT15	16		3.436,52	4.410,80		1.530,68				
1	6-BT15-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	220,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	42,51	3	1,22	
2	6-BT15-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	180,50	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	51,81	3	1,49	
3	6-BT15-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	180,50	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	51,81	3	1,49	
4	6-BT15-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	219,78	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	42,55	3	1,23	
5	6-BT15-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	257,92	294,77	PK6-DLS-GM	102,11	39,59	3	1,14	
6	6-BT15-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,19	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	45,80	3	1,32	
7	6-BT15-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,19	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	45,80	3	1,32	
8	6-BT15-08	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	257,92	294,77	PK6-DLS-G	102,11	39,59	3	1,14	
9	6-BT15-09	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	211,25	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	44,27	3	1,27	
10	6-BT15-10	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	180,50	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	51,81	3	1,49	
11	6-BT15-11	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	180,50	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	51,81	3	1,49	
12	6-BT15-12	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	215,05	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	43,49	3	1,25	
13	6-BT15-12A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	257,92	294,77	PK6-DLS-GM	102,11	39,59	3	1,14	
14	6-BT15-15A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,19	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	45,80	3	1,32	
15	6-BT15-15	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,19	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	45,80	3	1,32	
16	6-BT15-16	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	257,92	294,77	PK6-DLS-G	102,11	39,59	3	1,14	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
-----	---	--------------------------------	--	--	-----------------	---------------------	---------------------	---------	-------------------------	---------